

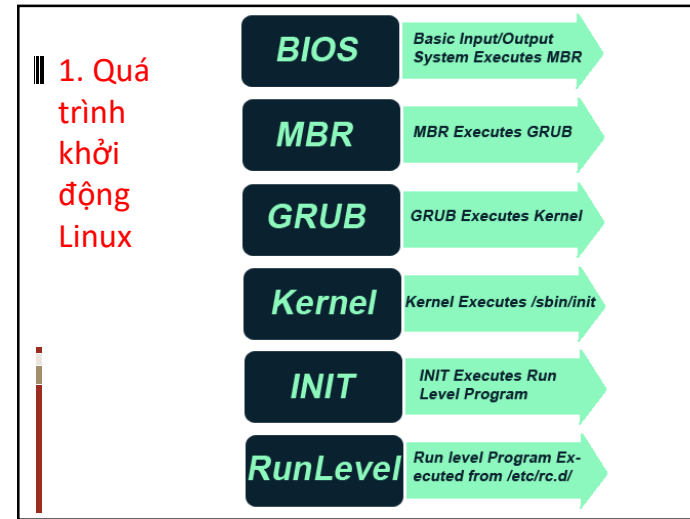


1

|| Nội dung

1. Quá trình khởi động Linux
2. Đăng nhập vào và thoát ra khỏi hệ thống
3. Một số lệnh hệ thống
4. Thay đổi nội dung đầu nhắc shell
5. Trang man/info

2



3

|| 2. Đăng nhập và thoát ra khỏi hệ thống

- Người quản trị và người sử dụng
- Đăng nhập
- Đăng xuất
- Khởi động lại hệ thống
- Khởi động vào chế độ đồ họa

4

## || Người quản trị và người sử dụng

- Người quản trị trên Linux/Unix có tên là root, có quyền quản trị và thao tác toàn bộ hệ thống máy tính với ưu tiên cao nhất
- Người sử dụng trên Linux/Unix do root tạo ra và do root quản lý
- root có thể xóa hoặc vô hiệu hóa bất kỳ người sử dụng nào
- Mọi người sử dụng đều phải được đăng ký (phải có **account**) với hệ thống Unix/Linux

5

## || Hiện nay, trong các máy Ubuntu, Fedora...

- Tài khoản root (super user) đang được ẩn ở trạng thái inactive
- Tài khoản hoạt động sau khi cài đặt là tài khoản ban đầu, ví dụ: ngochan
  - Đây là tài khoản có quyền Admin, có thể làm việc tương đương root khi cần, còn bình thường thì tài khoản này làm việc như là một Standard User
  - Admin hay còn gọi là sudoers
  - Dùng lệnh **sudo <tên lệnh>** để làm các việc của root
- Muốn activate tài khoản root
  - Dùng lệnh **sudo su <Enter>** rồi nhập mật khẩu của sudoer hoặc
  - Dùng lệnh **sudo passwd <Enter>** Sau đó đặt mật khẩu 2 lần thì tài khoản root sẽ có thể thực hiện bình thường

6



7

## || Lưu ý về dấu nhắc lệnh

- Dấu nhắc lệnh của người dùng thông thường là dạng **ngochan@think : ~\$**  
**ubuntu@ubuntu: ~ \$**  
Trước dấu **@** là tên người dùng  
Từ sau dấu **@** đến trước dấu **:** là tên máy  
Sau dấu **:** đến trước dấu **\$** là thư mục hiện hành
- Dấu nhắc lệnh của root tương tự, nhưng kết thúc bởi dấu **#**
- Trong quá trình học, nếu lệnh dùng được với tài khoản thông thường, dấu nhắc là \$, nếu chỉ quản trị mới thực hiện được thì dấu nhắc là #

8

## || Ví dụ

ngochan@ubuntu : /tmp \$

ngochan@ Dao Macbook Air : ~/Documents \$

9

## || Dừng hệ thống Unix/Linux

- Unix/Linux là hệ thống dành cho nhiều người sử dụng, do đó **tránh dừng hoặc khởi động lại hệ thống mà không báo trước**
- Các lệnh này chỉ dùng cho mục đích thực hành, không nên sử dụng trong môi trường làm việc có nhiều người sử dụng, only root:
  - **reboot** (Unix/Linux)
  - **init 0** (Unix/Linux)
  - **halt** (Linux)
  - **poweroff** (Linux)
  - **shutdown**
  - **pm-hibernate**

11

## || Đăng nhập vào và thoát ra khỏi hệ thống

- Đăng nhập (**login**)
  - **Ubuntu login:** <Nhập tên người sử dụng>
  - **Password:** <Nhập mật khẩu>
- Đăng xuất (**logout**)
  - **exit** hoặc
  - **logout** hoặc
  - **<Ctrl-D>**

10

## ||

- Lệnh shutdown  
# shutdown [tùy-chọn] <time> [<cảnh-báo>]  
Lệnh này cho phép dừng tất cả các dịch vụ đang chạy trên hệ thống. Một số tùy chọn như sau:
  - k: không thực sự shutdown mà chỉ cảnh báo
  - f: khởi động lại ngay sau khi shutdown
  - h: tắt máy thực sự sau khi shutdown<time>: có thể dạng gg:pp hoặc +t (số phút)  
<cảnh-báo>: thông báo gửi tới mọi người dùng trong hệ thống

12

## || Ví dụ:

```
# shutdown +0 # tat may ngay
```

```
# shutdown +10 "Se tat he thong sau 10 phut  
nua. SV luu lai bai!"
```

13

## || Dạng tổng quát của lệnh Linux

- \$ <Tên lệnh> [<các tham số>] ↵
- Tên lệnh là một dãy ký tự, không có dấu cách, biểu thị cho một lệnh của Linux hay một chương trình
- Các tham số có thể có hoặc không có
  - Có 2 loại tham số là tham số khóa và tham số vị trí
    - Tham số khóa gắn với lệnh và điều khiển hoạt động của lệnh
    - Tham số vị trí là các file/thư mục/tài khoản... mà lệnh tác động
- \$ là dấu nhắc chờ nhận lệnh
  - \$ dấu nhắc chờ lệnh của người dùng thông thường
  - # dấu nhắc chờ lệnh của root
- Ký hiệu "↵" biểu thị việc gõ phím hết dòng <Enter>

15

## || 3. Một số lệnh hệ thống

- Dạng tổng quát lệnh của Linux
- Thao tác tăng tốc độ gõ lệnh
- Lệnh thay đổi mật khẩu
- Lệnh xem, thiết đặt ngày, giờ
- Lệnh xem lịch
- Xem thông tin hệ thống

14

## || Thao tác tăng tốc độ gõ lệnh

- Sử dụng lại các lệnh đã dùng: Sử dụng các dấu mũi tên lên, xuống
- Sửa chữa các tên, tham số của lệnh: Sử dụng mũi tên trái, phải
- Sử dụng phím <Tab> để hiển thị tên lệnh, tên file nếu không nhớ rõ tên
- Gõ một phần đầu của tên, rồi Nhấn phím <Tab>
- Xem lịch sử lệnh: history
- Tìm trong lịch sử lệnh đã gõ của phiên làm việc:
  - Ctrl + R rồi gõ tiếp chữ trong lệnh

16

## || Basic Command Line Editing

You can use the following key combinations to edit and recall commands:

- CTRL + L : Clear the screen.
- CTRL + W : Delete the word starting at cursor.
- CTRL + U : Clear the line i.e. Delete all words from command line.
- Up and Down arrow keys : Recall commands (see [command history](#)).
- Tab : Auto-complete files, directory, command names and much more.
- CTRL + R : Search through previously used commands (see [command history](#))
- CTRL + C : Cancel currently running commands.
- CTRL + T : Swap the last two characters before the cursor.
- ESC + T : Swap the last two words before the cursor.
- CTRL + H : Delete the letter starting at cursor.

17

## || Lệnh thay đổi mật khẩu

- **passwd**
  - Linux yêu cầu nhập mật khẩu cũ để kiểm tra
  - Tiếp theo Linux yêu cầu nhập mật khẩu mới 2 lần
- Mật khẩu “tốt” và “không tốt”
  - Tốt: **xyv340dvfjndf908f, fdg93n!Dfffx**
  - Không tốt: **123456, matkhou**

19

## || Lệnh xem thư mục hiện hành

\$ pwd

18

## || Lệnh xem, thiết đặt ngày giờ

- Xem thời gian: **date, cal**
  - **root** được phép đặt lại thời gian
  - Người sử dụng chỉ được xem thời gian

20

## || Lệnh xem lịch

- **cal** [tùy-chọn] [<tháng> [<năm>]]

21

## || Một số lệnh thường dùng

- Xem các file trong thư mục:
  - **ls** (xem dạng đơn giản)
  - **ls -l** (xem dạng đầy đủ)
- Tính toán số học (xem như máy bấm tay):
  - **bc**
  - $5^3$
  - 125

23

## || Lệnh xem thông tin hệ thống

- **uname** [tùy-chọn]
- Xem tất cả các thông tin hệ thống: **uname -a**

22

## || 4. Thay đổi nội dung dấu nhắc shell

- Dấu nhắc shell có dạng  
ngochoan@think:~\$  
được lưu trong biến PS1 của hệ thống  
Muốn đổi nội dung dấu nhắc, em có thể dùng  
**PS1="Dau nhac moi"**

24

## || 5. Trang man/info

- Linux có khoảng hàng nghìn lệnh
- Trang man: trang thông tin đầy đủ giới thiệu nội dung các lệnh
- man -> Manual
- Để mở trang man của một lệnh, ta gõ:  
**\$ man <tên lệnh>**

25

## || Các vấn đề cần nhớ

- Các đặc điểm cơ bản của hệ điều hành Unix, Linux
- Người sử dụng/Người quản trị hệ thống
- Đăng nhập và đăng xuất, tên và mật khẩu
- Cách gõ lệnh trong Unix, các thao tác tăng tốc độ gõ lệnh
- Cấu trúc lệnh, xem hướng dẫn sử dụng lệnh

27

## || Cấu trúc chung của trang man

COMMAND(1)	Linux Programmer's Manual	COMMAND(1)
NAME		
tên lệnh - khái quát tác dụng của lệnh		
SYNOPSIS		
cú pháp của lệnh		
DESCRIPTION		
mô tả cụ thể hơn về tác dụng của lệnh		
OPTIONS		
liệt kê các tùy chọn lệnh và tác dụng của chúng		
FILES		
liệt kê các file mà lệnh sử dụng hoặc tham chiếu đến		
SEE ALSO		
liệt kê các lệnh, các tài liệu, ..., có liên quan đến lệnh		
REPORTING BUGS		
địa chỉ liên hệ nếu gặp lỗi khi sử dụng lệnh		
AUTHOR		
tên tác giả của lệnh		

26